TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LẠC** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST Ngày: 02-8-2019 V/v tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Ngọc Thọ

2. Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, chia tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Mùi M, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm NĐ, xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Phùng Tòn C, sinh năm 1983; Địa chỉ: Xóm NĐ, xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Diều Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm KT, xã HG, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Đặng Mùi Ch, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm BB, xã ĐP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Phùng Mai L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ Z, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2018, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Mùi M trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông bà được tự do tìm hiểu, yêu nhau và về chung sống với nhau từ năm 2001. Ông bà không đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung tại nhà bố mẹ đẻ bà M, năm 2013 ông bà tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ông C đến ở rể tại nhà bà và có trách nhiệm phụng dưỡng bố mẹ vợ như con đẻ, bố mẹ chia cho ông bà một phần đất để làm ăn, sinh sống. Cuộc sống ban đầu của ông bà hạnh phúc, ông C chịu thương, chịu khó khiến hàng xóm ai cũng nể trọng. Giữa năm 2013 bà tốt nghiệp đại học, tháng 9/2014 bà nhận công tác tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Từ khi bà nhận công tác thì mâu thuẫn trầm trọng xảy ra, ông C nghi bà có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Ông C thường xuyên tụ tập bạn bè là những thành phần bất hảo của xã hội. Ông C thường xuyên uống rượu, say rượu là chửi bới, đánh đập, dọa giết bà; đã hai lần bà phải nhập viện do ông C đánh. Từ tháng 9/2016 đến nay ông bà sống ly thân, bà yêu cầu được ly hôn với ông Chài.

* Về con chung: Không có.

* Về tài sản: Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải bà M trình bày về tài sản như sau:

- Tài sản riêng không có.

- Tài sản chung gồm có những tài sản sau:

+ 01 (một) thửa đất có diện tích 221,8m^2 và một ngôi nhà trên thửa đất tại xóm KT, xã HG, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Các thửa đất số 16; 17; 18; 19; 20; 21; 23; 25 thuộc tờ bản đồ số 131 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX773528 mang tên Phùng Tòn C và Đặng Mùi M; Địa chỉ: xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

+ Các thửa đất số 26; 28; 79; 139 thuộc tờ bản đồ số 131 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX773529 mang tên Phùng Tòn C và Đặng Mùi M; Địa chỉ: xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Bà Man đồng ý với thỏa thuận về cách chia tài sản với ông C, cụ thể như sau: Bà M sở hữu toàn bộ tài sản đã liệt kê và bà M có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 10/9/2019 (dương lịch), tức ngày 12/8/2019 (âm lịch). Đến ngày hẹn nếu bà M không thanh toán tiền cho ông C thì ông C sẽ sở hữu toàn bộ tài sản đã kê và trả tiền cho bà M.

Tại phiên tòa bà M không yêu cầu Tòa án không giải quyết về tài sản chung, bà và ông C tự thỏa thuận giải quyết về tài sản.

* Về nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải bà M trình bày về nợ chung như sau:

+ Nợ ông Diều Văn T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng). Ông C và bà Man thống nhất thỏa thuận mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Ông Diều Văn T đã nhận đủ số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

+ Nợ bà Đặng Mùi Ch số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông C và bà M thống nhất thỏa thuận ông C thanh toán cho bà Ch số tiền 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bà M thanh toán cho bà Ch số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Bà Đặng Mùi Ch đã nhận đủ số tiền 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Nợ bà Phùng Mai L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ông C và bà M thống nhất thỏa thuận mỗi người thanh toán cho bà L số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Bà L đã nhận đủ số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa bà M không yêu cầu Tòa án không giải quyết về nợ chung, bà và ông C tự thỏa thuận giải quyết về nợ chung và đã thanh toán hết các khoản nợ cho ông T, bà Ch, bà L.

* Về nợ riêng: Bà Đặng Mùi M nợ bà Phùng Mai L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Bà M đồng ý trả cho bà L số tiền nợ là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà đồng ý thanh toán nợ cho bà Phùng Mai L theo như thỏa thuận.

2. Trong bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên hòa giải bị đơn ông Phùng Tòn C trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M tự do tìm hiểu và quyết định về chung sống với nhau từ năm 2000. Ông bà không đăng ký kết hôn. Ông đến ở rể theo phong tục tập quán của dân tộc ông. Năm 2007 bà M đi học đại học, năm 2013 ra trường và đi làm tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Trong thời gian bà M đi học, ông ở nhà làm việc, kiếm tiền để cung cấp cho bà M, lo chi phí cho gia đình, chăm sóc bố mẹ. Từ khi bà M đi làm thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh, bà M khinh bỉ ông, gây sự với ông, lấy lý do ở lại tại cơ quan để không về nhà. Ông bà bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản, nợ chung: Ông đồng ý với ý kiến của bà M về cách giải quyết tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để ông bà tự thỏa thuận.

3. Trong quá trình lấy lời khai và tại phiên hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Diều Văn T trình bày: Ông quen biết vợ chồng ông C và bà M. Khoảng năm 2012 ông C có bảo tôi san nền nhà và múc đất ruộng với số tiền là 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng). Ông C đã thanh

toán được 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Hiện nay, ông C và bà M còn nợ ông với số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), ông yêu cầu ông C và bà M mỗi người thanh toán cho ông số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Tại buổi hòa giải, ông C và bà M đã thanh toán tiền cho ông, ông đã nhận đủ số tiền, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này.

4. Trong quá trình lấy lời khai và tại phiên hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Mùi Ch trình bày: Bà là chị gái của bà M. Khoảng năm 2012 vợ chồng Man Ch có nợ bà 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để đi mua cột nhà và 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) để đi mua ngói. Sau đó, ông C đã trả cho bà số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), hiện nay còn nợ bà 3.700.000 đồng. Bà yêu cầu ông C phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 2.350.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tại buổi hòa giải, ông C và bà M đã thanh toán tiền cho bà, bà đã nhận đủ số tiền, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này.

5. Trong quá trình lấy lời khai và tại phiên hòa giải người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Mai L trình bày: Bà là em của ông C. Năm 2012 ông C và bà M có nợ bà số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để làm nhà. Bà yêu cầu mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Tại buổi hòa giải, ông C và bà M đã thanh toán tiền cho bà, bà đã nhận đủ số tiền, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này.

Ngoài ra, bà M còn nợ riêng bà số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), tại buổi hòa giải bà M đã đồng ý thanh toán cho bà số tiền này, thời hạn thanh toán chậm nhất là vào ngày 28/02/2020. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa tại phiên hòa giải.

6. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật qua kiểm sát hồ sơ từ giai đoạn thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng và đầy đủ pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bà Đặng Mùi M và ông Phùng Tòn C không phải là vợ chồng. Về tài sản chung: Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ riêng của bà M với bà L: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận, bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bà Đặng Mùi M yêu cầu được ly hôn, chia tài sản chung với ông Phùng Tòn C, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Phùng Tòn C có địa chỉ và nơi đăng ký hộ khẩu thường

trú tại xóm NĐ, xã HĐ, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đặng Mùi M và ông Phùng Tòn C về chung sống với nhau từ năm 2001. Đến thời điểm hiện tại ông bà không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của ông bà có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, thậm chí xảy ra xô sát, đánh nhau. Từ năm 2016 ông bà sống ly thân, trong thời gian sống ly thân ông bà không hề có hành động nào thể hiện sự nỗ lực níu kéo tình cảm, ai biết bổn phận của người đó. Bà M yêu cầu được ly hôn với ông C, ông C cũng đồng ý với yêu cầu của bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng cuộc sống hôn nhân của bà M và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà M có yêu cầu được ly hôn với ông C và ông C cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của bà M, căn cứ theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết phải tuyên bố không công nhận bà Đặng Mùi M và ông Phùng Tòn C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn thống nhất thỏa thuận về tài sản chung, các khoản nợ chung nguyên đơn và bị đơn đã thanh toán xong nên yêu cầu Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về nợ riêng: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà M và bà L tại biên bản hòa giải ngày 16/7/2019 và tại phiên tòa, bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 28/02/2020 bà M phải thanh toán xong số tiền này.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Mùi M và ông Phùng Tòn C không phải là vợ chồng.

2. Về nợ riêng: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà M và bà L, bà M có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Thời hạn thanh toán chậm nhất đến ngày 28/02/2020 bà M phải thanh toán xong số tiền này.

3. Về án phí: Bà Đặng Mùi M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà M đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2016/0001524 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Bà Man đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Bà Phùng Mai L phải nộp án phí có giá ngạch đối với phần tài sản mình được hưởng là (6.000.000 đồng x 5%) x 50% = 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phùng Mai L; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Diều Văn T và bà Đặng Mùi Ch. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HĐ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tô Thị Thùy Ngân